

KHẢO SÁT THỰC TRẠNG KỸ NĂNG CHĂM SÓC TÂM LÝ CHO HỌC SINH CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

TRẦN THỊ MỸ LƯƠNG*

Ngày nhận bài: 05/05/2016; ngày sửa chữa: 05/05/2016; ngày duyệt đăng: 19/05/2016.

Abstract: Secondary school students are at the age of puberty with mental and physical changes, so psychological advisory is very important for them. The article analyses actual state of psychological care skill for students of secondary school teachers. This situation is the basic for managers to organize activities to develop necessary skills for students with aim to improve quality of education.

Keywords: Survey, psychological care skills, students, teachers.

1. Trong xã hội hiện đại, vấn đề chăm sóc sức khỏe tinh thần đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển thể chất, trí tuệ, cân bằng cảm xúc, tình cảm, tạo ra tính tự lập, tự tin, niềm tin yêu cuộc sống cho con người, giúp con người có khả năng đề kháng với các yếu tố xã hội gây rối nhiễu tâm lý. Đối với học sinh (HS), chăm lo đời sống tâm lý là nền tảng để phát triển và hoàn thiện nhân cách cho các em [1;2;5].

Bên cạnh đó, giáo viên (GV) là người trực tiếp giáo dục (GD) HS, có thời gian gần gũi với HS nhiều nhất, do đó, những tác động tích cực như hoạt động hỗ trợ tâm lý HS sẽ mang lại hiệu quả GD lâu dài, giúp các em phát triển thuận lợi hơn về nhân cách, tạo sự gắn kết hiệu quả giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội.

Thực tế, trong nhà trường hiện nay GV chỉ được đào tạo chủ yếu về công tác giảng dạy chuyên môn. Họ có nghiệp vụ sư phạm nhưng chưa được đào tạo về các quy trình, kỹ năng (KN) hỗ trợ tâm lý HS. Nếu GV được trang bị kiến thức, phát triển những KN cần thiết trong tư vấn, chăm sóc tâm lý HS thì hiệu quả GD, dạy học sẽ tăng lên [3;4].

Xuất phát từ những lý do trên, việc phát triển KN chăm sóc tâm lý HS trung học cơ sở (THCS) có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

2. Thực trạng đáp ứng nhu cầu tư vấn tâm lý cho HS THCS hiện nay

Thực trạng phân tích ở những nghiên cứu trước đây của chúng tôi cho thấy, nhu cầu được tư vấn tâm lý của HS THCS là rất lớn. Thế nhưng, đại đa số ở các trường trung học hiện nay chưa cung cấp các dịch vụ tâm lý học đường tại chỗ. Hầu hết, việc đáp ứng nhu cầu hỗ trợ tâm lý cho HS chỉ mang tính tự phát, kinh nghiệm. Các nhà trường vẫn chỉ chú trọng tập trung dạy kiến thức mà ít hoặc chưa chú trọng đến vấn đề

chăm sóc tâm lý học đường. Còn GV thì không có kiến thức chuyên sâu về tư vấn, hỗ trợ tâm lý nên việc đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, chăm sóc tâm lý HS là chưa hiệu quả so với nhu cầu cấp bách của HS.

Kết quả nghiên cứu về KN chăm sóc tâm lý HS của GV cho thấy:

2.1. Về cơ mẫu nghiên cứu: Với mục đích nghiên cứu thực trạng KN chăm sóc tâm lý HS của GV THCS, chúng tôi xây dựng và tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi trên 300 GV các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu về KN chăm sóc tâm lý HS của GV cho thấy:

2.2. Đánh giá của GV về đời sống tâm lý của HS (xem bảng 1)

Bảng 1. Tần suất gặp phải vướng mắc tâm lý khó giải quyết ở HS nói chung

		Chưa bao giờ (%)	Thỉnh thoảng (%)	Thường xuyên (%)
Địa bàn	Hà Nội	,0	92,0	8,0
	Nghệ An	,0	78,0	22,0
	TP. Hồ Chí Minh	,0	62,0	38,0
	Ninh Bình	,0	48,0	52,0
	Thanh Hóa	,0	90,0	10,0
	Cần Thơ	,0	64,0	36,0
	Tổng	,0	72,3	27,7

Với câu hỏi “Đời sống tâm lý của các em HS có gặp nhiều vướng mắc khó giải quyết không?”, kết quả khảo sát cho thấy, đa số GV được khảo sát đều cho rằng trong đời sống tâm lý các em có gặp những vướng mắc khó giải quyết: ở mức “*thỉnh thoảng*” là

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

72,3%; “*thường xuyên*” là 27,7%. Nếu dựa trên địa bàn khảo sát thì có 52% GV ở Ninh Bình cho rằng “*các em thường xuyên gặp phải những vướng mắc tâm lí khó giải quyết*”; ở Hà Nội cùng mức độ “*thường xuyên*” chỉ có 8%, Thanh Hóa là 10%; các tỉnh Nghệ An, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ khoảng 20-30%...

2.3. Đánh giá của GV về những lĩnh vực mà HS có thể gặp vướng mắc, khó khăn

Với câu hỏi “*Những vướng mắc khó khăn tâm lí các em thường gặp ở những lĩnh vực nào?*” trong 7 nhóm vấn đề: học tập, phát triển tâm sinh lí, giao tiếp xử, quan hệ với GV, quan hệ với cha mẹ/người thân, tình bạn khác giới tình yêu, định hướng nghề nghiệp. Kết quả cho thấy, trên tổng mẫu nghiên cứu 5 địa bàn, đa số GV cho rằng mức độ gặp phải những khó khăn vướng mắc tâm lí của HS là “*ít nghiêm trọng*”. Rất ít GV cho rằng những khó khăn tâm lí ở HS trên các lĩnh vực là nghiêm trọng (2,4%-16,9% số GV/7 lĩnh vực); đa số GV cũng cho rằng những khó khăn tâm lí ở các em chỉ thỉnh thoảng gặp phải (51,01%-89,53%).

Kết quả khảo sát tổng quát cũng cho thấy, nhiều GV cho rằng mức độ gặp phải những vướng mắc khó khăn tâm lí ở HS là “*không nghiêm trọng*” (12,33%-37,33%); một số khác cho rằng những vướng mắc khó khăn tâm lí ở các em là “*không bao giờ có*” (1,01%-20,61% số GV/7 lĩnh vực). Trong 7 lĩnh vực khảo sát, lĩnh vực “*Tình bạn khác giới/tình yêu*” được cho là có mức độ gặp phải khó khăn tâm lí ở mức độ “*nghiêm trọng*” (38,62%) và thậm chí là “*rất nghiêm trọng*” (16,90%); 34,80% GV cho rằng các em thường xuyên gặp phải.

Như vậy, số liệu khảo sát về những vướng mắc của HS trong 7 lĩnh vực cho thấy: Đa số GV cho rằng những vướng mắc khó khăn tâm lí của HS trong 7 lĩnh vực là “*ít nghiêm trọng*” (48,20%) và “*không nghiêm trọng*” (23,63%), những khó khăn này “*thỉnh thoảng*” các em mới gặp phải (72,90%). So sánh với những nghiên cứu trước đây của chúng tôi trên HS, thì đánh giá của GV về khó khăn tâm lí ở HS ít phức tạp và nghiêm trọng hơn so với HS tự đánh giá về mình.

2.4. Mức độ nhận thức của GV về các KN chăm sóc tâm lí HS (bảng 2)

Bảng 2. Ý kiến của GV về các KN chăm sóc tâm lí HS

KN	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Tổng
- KN đánh giá tâm lí HS	3,00	4,33	5,33	45,00	42,33	100,0
- KN phát hiện sớm các rối nhiễu cảm xúc, hành vi ở HS	1,33	1,00	9,67	49,00	39,00	100,0
- KN xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa	3,33	1,33	12,00	67,00	16,33	100,0
- KN can thiệp sâu: (KN tư vấn)	1,33	3,67	5,67	70,33	19,00	100,0
KN thiết lập mối quan hệ trong hỗ trợ tâm lí cho HS	,00	4,33	8,67	50,67	36,33	100,0
KN hỏi	2,33	,00	11,67	59,33	26,67	100,0
KN quan sát	2,33	2,00	10,33	74,33	11,00	100,0
KN lắng nghe	2,00	3,67	7,67	50,00	36,67	100,0
KN thấu hiểu	1,00	4,33	7,33	72,67	14,67	100,0
KN phản hồi	1,33	4,00	15,00	60,00	19,67	100,0
KN tìm kiếm giải pháp trong tư vấn	,00	2,67	11,33	52,67	33,33	100,0

Bảng 2 cho thấy, trên 6 địa bàn nghiên cứu, đa số GV đồng ý với khái niệm về từng KN mà chúng tôi đưa ra. Cụ thể trong cả 11 KN: chỉ có 0 - 3,33% GV “*hoàn toàn không đồng ý*”, 0 - 4,33% GV “*không đồng ý*” và 5,33% - 15% GV “*phân vân*” với các khái niệm về các KN “*chăm sóc tâm lí HS*” mà chúng tôi đưa ra. Còn lại đều đồng ý, chiếm 45% - 74,33% GV được khảo sát. Điều này cho thấy rằng đa số GV đều hiểu khái niệm về từng KN chăm sóc tâm lí HS và chỉ có một bộ phận nhỏ GV chưa hiểu về các KN.

Đi sâu vào từng nhóm KN, có những số liệu đáng chú ý: So với các địa bàn còn lại thì Ninh Bình là địa bàn có tỉ lệ GV “*chưa đồng ý*” với khái niệm về các KN mà chúng tôi đưa ra chiếm tỉ lệ cao nhất. Ở KN “*đánh giá tâm lí HS*”, có 14% GV “*hoàn toàn không đồng ý*” và 22% “*không đồng ý*” với khái niệm về KN mà chúng tôi đưa ra. Tương tự, các con số này ở “*KN xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa*” lần lượt là 20% và 8%; KN “*phản hồi*” lần lượt là 8% và 20%.

2.5. Tự đánh giá của GV về mức độ hiểu biết các KN chăm sóc tâm lí HS của bản thân (xem bảng 3)

Kết quả khảo sát cho thấy, khi được hỏi về mức độ hiểu biết chung về các KN chăm sóc tâm lí HS,

Bảng 3. Mức độ hiểu biết chung về các KN chăm sóc tâm lí HS của GV

Địa bàn	Hiểu biết rất đầy đủ về KN	Hiểu biết đầy đủ về KN	Hiểu biết chưa đầy đủ về KN	Hiểu biết sai về KN	Chưa có hiểu biết về KN
Hà Nội	,0	46,0	54,0	,0	,0
Nghệ An	,0	26,0	68,0	2,0	4,0
TP. Hồ Chí Minh	24,0	40,0	36,0	,0	,0
Ninh Bình	8,0	72,0	20,0	,0	,0
Thanh Hóa	,0	38,0	56,0	6,0	,0
Cần Thơ	48,0	40,0	12,0	,0	,0
Tổng	13,3	43,7	41,0	1,3	,7

đa số GV ở cả 6 địa bàn đều cho rằng mình “*đã hiểu biết về các KN*”; 12% - 68% GV cho rằng mình “*có hiểu biết chưa đầy đủ*”; 28% - 72% GV cho rằng mình “*có hiểu biết đầy đủ*”, thậm chí ở Cần Thơ (48% GV) và TP. Hồ Chí Minh (24% GV) cho rằng mình “*hiểu biết rất đầy đủ về các KN*”. Ngoài ra, có rất ít GV khi khảo sát cho rằng mình hiểu sai hoặc chưa hiểu biết về các KN. Cụ thể, ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Ninh Bình và Cần Thơ không có GV nào ghi nhận mình hiểu sai hoặc chưa có hiểu biết về các KN chăm sóc tâm lí HS. Tuy nhiên, theo chúng tôi, giữa việc tự đánh giá về nhận thức và năng lực của bản thân so với thực tế luôn có một khoảng cách nhất định, thông thường người ta có xu hướng đánh giá cao hơn.

2.6. Đánh giá của GV về việc thực hiện các KN chăm sóc tâm lí HS của bản thân. Hà Nội có tỉ lệ GV thực hiện tốt KN “*hỏi*”, “*quan sát*”, “*lắng nghe*”, “*thấu hiểu*” chiếm tỉ lệ cao ($\text{ĐTB} > 4$ và $\text{SD} < 1$); TP. Hồ Chí Minh có tỉ lệ GV thực hiện tốt KN “*thiết lập mối quan hệ trong hỗ trợ tâm lí cho HS*”, KN “*hỏi*”, “*lắng nghe*”, “*thấu hiểu*”, “*tìm kiếm giải pháp trong tư vấn*” chiếm tỉ lệ cao ($\text{ĐTB} > 4$ và $\text{SD} < 0,5$); Thanh Hóa có tỉ lệ GV thực hiện tốt KN “*thiết lập mối quan hệ trong hỗ trợ tâm lí cho HS*”, KN “*hỏi*”, “*quan sát*” chiếm tỉ lệ cao ($\text{ĐTB} \geq 4$ và $\text{SD} \leq 0,2$).

Ngược lại, Ninh Bình có tỉ lệ GV không thực hiện hoặc thực hiện không chính xác, lúng túng các KN chăm sóc tâm lí HS ở mức cao ($\text{ĐTB} < 3$). Cụ thể: ở hai mức “*không thực hiện*” và “*thực hiện không chính xác, lúng túng*” của các KN lần lượt là: KN “*đánh giá tâm lí HS*” chiếm 22% và 34%, KN “*xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa*” là 0 và 32%, KN “*can thiệp*” là 8% và 42%, KN “*thiết lập mối quan hệ trong hỗ trợ tâm lí cho HS*” là 12% và 36%, KN “*lắng nghe*” là 20% và 28%.

2.7. Mong muốn của GV về tập huấn nâng cao KN chăm sóc tâm lí HS

Bảng 4. Mong muốn của GV về việc tập huấn để nâng cao KN chăm sóc tâm lí HS

Địa bàn	Rất mong muốn	Mong muốn	Bình thường	Không mong muốn
Hà Nội	54,0	38,0	8,0	,0
Nghệ An	68,0	32,0	,0	,0
TP. Hồ Chí Minh	40,0	36,0	24,0	,0
Ninh Bình	78,0	22,0	,0	,0
Thanh Hóa	74,0	22,0	4,0	,0
Cần Thơ	32,0	32,0	36,0	,0
Tổng	57,7	30,3	12,0	,0

Hầu hết GV đều mong muốn được tiếp tục tập huấn nâng cao về KN chăm sóc tâm lí HS (88%/6 địa bàn). Đặc biệt, ở Nghệ An và Ninh Bình không có GV nào tỏ ra không mong muốn tham gia khóa tập huấn.

3. Qua kết quả khảo sát đã thực hiện, chúng tôi nhận thấy về cơ bản, GV đã tham gia các hoạt động chăm sóc tâm lí HS (phần nhiều dựa trên kinh nghiệm), nhưng để tiến hành các hoạt động này một cách chuyên nghiệp, cần được bồi dưỡng, nâng cao những KN chăm sóc tâm lí HS nhằm giúp hoạt động GD HS đạt hiệu quả hơn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Dương Diệu Hoa (chủ biên) - Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Kế Hào - Phan Trọng Ngọc - Đỗ Thị Hạnh Phúc (2008). *Giáo trình Tâm lí học phát triển*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Trần Thị Lệ Thu (2009). *Công tác tâm lí học đường tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và một số đề xuất về đào tạo cán bộ Tâm lí học tại Việt Nam*. Kỷ yếu “Hội thảo nhu cầu, định hướng và đào tạo tâm lí học đường tại Việt Nam”. Viện Tâm lí học.
- [3] Hoàng Anh Phước (2010). *Một số kĩ năng tham vấn cơ bản của nhà tham vấn tâm lí*. Kỷ yếu hội thảo: “Phát triển công tác tư vấn/tham vấn sinh viên trong Đại học Thái Nguyên”. Dự án “Những nẻo đường đến giáo dục đại học - Pathways to higher education - PHE” Hoa Kỳ.
- [4] Hoàng Anh Phước (2010). *Phương pháp tiếp cận ứng xử trong tham vấn tâm lí*. Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng Tâm lí học - Giáo dục học trong thời kì hội nhập quốc tế”. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Khoa Tâm lí Giáo dục (2005). *Giáo trình Tâm lí - Giáo dục*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.